

Bản án số: 04 /2020/KDTM-ST

Ngày 24-6-2020

V/v: “tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T

Địa chỉ: Số 20 ấp B, xã L, Tp. C, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L, chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thúy V

Địa chỉ: Số 20 ấp B, xã L, Tp. C, tỉnh C. Theo giấy ủy quyền ngày 25/4/2020 (Có Mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Giải P và bà Lê Ái K

Địa chỉ: Số 36-C3 Khu Đ, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Bà Lê Ái K ủy quyền cho ông Huỳnh Giải P tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 23/6/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng bà Đoàn Thúy V - đại diện nguyên đơn trình bày: Trước đây, Doanh nghiệp tư nhân T do bà Trần Thị Kiều Q làm chủ doanh nghiệp, sau đó bà Q ủy quyền cho ông Lê Anh T thay thế chủ Doanh nghiệp và chuyển đổi tên thành công ty TNHH MTV T (Sau đây gọi tắt là công ty T). Vào ngày 06/01/2017 giữa công ty và ông Huỳnh Giải P có ký kết hợp đồng đại lý và thực hiện giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm

sú nhân hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông P để ông P nuôi tôm và bán lại cho người khác hưởng chênh lệch.

Trong quá trình giao dịch, vợ chồng ông P không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho công ty T. Theo đối chiếu công nợ tháng 11/2017, ký ngày 01/12/2017, ông P còn nợ công ty T số tiền 184.099.000đ. Đến ngày 28/12/2017 ông P có thanh toán được số tiền 50.000.000đ. Theo giấy cam kết thanh toán ngày 12/11/2019 ông P xác nhận còn nợ công ty Tân Quang Minh Cà Mau số tiền 134.099.000đ. Do hợp đồng đại lý để tên ông Huỳnh Giải P và bà Lê Ái K dù không có thể hiện chữ ký của bà K trong hợp đồng nhưng bà K biết việc kinh doanh của ông P và đang trong thời kỳ hôn nhân nên Công ty T yêu cầu ông Huỳnh Giải P và bà Lê Ái K cùng có nghĩa vụ thanh toán cho công ty T tổng số tiền là: 139.842.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 134.099.000đ, nợ lãi là 5.743.000đ.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Giải P trình bày: Ông thừa nhận có ký hợp đồng đại lý với công ty T, theo hợp đồng thì ông mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú nhân hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản do công ty T kinh doanh. Tuy nhiên, quá trình giao dịch chỉ một mình ông đứng ra giao dịch, vợ ông là bà K có công việc và thu nhập độc lập nên không biết và cũng không có ký tên trong hợp đồng đại lý. Nay ông thừa nhận có tiến hành đối chiếu công nợ và ông có ký tên vào bảng đối chiếu công nợ cũng như giấy cam kết thanh toán. Ông thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho công ty T số tiền 139.842.000đ.

Tại biên bản hòa giải bị đơn bà Lê Ái K trình bày: Bà xác định bà không có giao dịch mua bán với Công ty T, bà hoàn toàn không biết việc làm ăn giữa ông Huỳnh Giải P với Công ty T vì vậy bà không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền 139.842.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 139.842.000đ phát sinh từ giao dịch mua bán với hình thức hợp đồng đại lý. Do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch mua bán của các bên là có diễn ra trong thực tế đã được Công ty T và ông Huỳnh Giải P thừa nhận. Mặt khác, vào ngày 01/12/2017 ông Huỳnh Giải P cũng đã ký tên đối chiếu công nợ và xác nhận còn nợ Công ty T số tiền 184.099.000đ, sau đó ông P đã thanh toán được 50.000.000đ nên còn nợ lại số tiền gốc là 134.099.000đ đúng như lời trình bày của Công ty T. Vì vậy, Công ty T yêu cầu ông Huỳnh Giải P thanh toán số tiền gốc còn nợ 134.099.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm thanh toán nợ hiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông P và bà K cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán với lý do đại diện nguyên đơn

cho rằng trong hợp đồng đại lý thể hiện đại diện bên B bao gồm ông Huỳnh Giải P và bà Lê Ái K, vào thời điểm giao dịch bà K và ông P đang trong thời kỳ hôn nhân nên giao dịch mua bán giữa Công ty với ông P buộc bà Lê Ái K phải biết. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của đại diện nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại hợp đồng đại lý ngày 06/01/2017 và bảng đối chiếu công nợ, cũng như giấy cam kết thanh toán thì người ký các văn bản, giấy tờ trên là ông Huỳnh Giải P, điều này cho thấy ông Huỳnh Giải P đã tự mình thực hiện giao dịch, bà Lê Ái K không ký vào các văn bản trên nên không có căn cứ xác định giao dịch mua bán có sự thống nhất của bà K. Ngoài ra, ông P và bà K đều xác định giao dịch mua bán chỉ một mình ông P thực hiện giao dịch và thu nhập mua bán của ông Huỳnh Giải P không phục vụ nhu cầu thiết yếu chung của gia đình. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định vợ chồng chỉ chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch một bên thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp: Bên giao dịch là đại diện hợp pháp của bên kia; kinh doanh chung; người thứ ba ngay tình được bảo vệ; nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do giao dịch mua bán trên không làm phát sinh trách nhiệm liên đới thanh toán nợ đối với bà Lê Ái K nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Lê Ái K cũng có trách nhiệm thanh toán nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12/11/2019 đến ngày 24/6/2020 là: $134.099.000đ \times 0,83\%/tháng \times 07 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 7.791.000đ$. Xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm ông P phải chịu theo quy định pháp luật đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;
Áp dụng các Điều 430, 433, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 của Luật thương mại; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV T.

Buộc ông Huỳnh Giải P thanh toán cho Công ty TNHH MTV T số tiền 141.890.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH MTV T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Giải P không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của công ty TNHH MTV T buộc bà Lê Ái K có trách nhiệm liên đới với ông Huỳnh Giải P thanh toán nợ cho Công ty TNHH MTV T.

Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Ông Huỳnh Giải P phải nộp là 7.094.500đ (chưa nộp). Công ty TNHH MTV T không phải nộp, ngày 27/4/2020 Công ty TNHH MTV T đã dự nộp số tiền 3.496.000đ theo biên lai số 0001694 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Tiến hành nghị án vụ dân sự thụ lý số: 507/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng vay, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Ngọc Thanh, sinh năm: 1981.

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Huỳnh Tấn Anh, sinh năm: 1992.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc Lan, sinh năm: 1981 và ông Trần Văn Quang, sinh năm: 1973.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật,

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;
Áp dụng các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc Thanh.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Lan thanh toán cho bà Huỳnh Ngọc Thanh số tiền nợ vay là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bà Huỳnh Ngọc Thanh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Ngọc Lan không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc Thanh buộc ông Trần Văn Quang có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Ngọc Lan thanh toán nợ cho bà Thanh.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Ngọc Lan phải nộp là 17.500.000đ (chưa nộp). Bà bà Huỳnh Ngọc Thanh không phải nộp ngày 09/12/2019 bà Thanh đã dự nộp số tiền 8.750.000đ theo biên lai số 0001105 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc